

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HS-ST

Ngày: 11-5-2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Ngọc Thành.

2. Ông Nguyễn Thế Hanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 19/4/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986 tại thị trấn H, huyện T1, tỉnh D. Nơi cư trú: Khu 8 thị trấn H, huyện T1, tỉnh D; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị N; vợ con chưa có; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2008, 2013 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại trung tâm chữa bệnh Giáo dục lao động xã hội tỉnh D; bị tạm giữ từ ngày 14/3/2018, chuyển tạm giam ngày 16/3/2018 đến nay tại Trại tạm giam K- Công an tỉnh D (có mặt).

**\* Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; nơi cư trú: Khu 8 thị trấn H, huyện T1, tỉnh D; nghề nghiệp: Trồng trọt; là bố của bị cáo; (có mặt).

**\* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định:** Bà Phạm Hương L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh D; (có mặt)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Bùi Hữu Q, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện T1, tỉnh D; (xin xử vắng mặt).

\* *Người làm chứng*: Ông Phạm Quang V, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khu 1 thị trấn H, huyện T1, tỉnh D; (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy, ngày 10/3/2018 Nguyễn Văn T đi đến khu vực đường A, thành phố H1 mua 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá với giá 600.000đ của một người đàn ông không quen biết, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau đó, T đem gói ma túy vừa mua được về nhà chia thành 04 gói đựng trong túi nilon. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/3/2018, T đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Bùi Hữu Q- sinh năm 1974 ở xã V, huyện T1 hỏi mua ma túy với giá 900.000đ.

T đồng ý rồi hẹn Q ra khu vực cánh đồng, địa phận khu 5, thị trấn H, huyện T1. T điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave Anpha màu xanh, biển số 34L2-5172 và cầm theo 03 gói ma túy đựng trong túi nilon ra chỗ đã hẹn, khi đi đến khu vực cánh đồng, địa phận khu 5, thị trấn H, huyện T1 thì bị tổ công tác thuộc lực lượng Công an huyện Thanh Hà kết hợp với Công an thị trấn Thanh Hà phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong lòng bàn tay trái T đang cầm 03 gói nilon KT 2 x 2cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy tổng hợp dạng đá, mục đích để bán. Ngoài ra, còn thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng (*gắn sim số 0976173857*); 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen (*gắn sim số 0931565107*); 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 34L2-5172. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T ở khu 8, thị trấn H, huyện T1: Thu giữ trên mặt bàn gỗ, trong phòng ngủ của T 01 gói nilon KT 2 x 2cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 bộ đồ dùng để sử dụng ma túy dạng đá (*gồm 01 chai lavie được gắn bên trong chiếc cốc nhựa màu vàng, phần nắp chai lavie có gắn một chiếc ống nhựa màu cam và 01 chiếc coong bằng thủy tinh*).

Chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Anpha màu xanh, biển số 34L2-5172, T dùng làm phương tiện đi bán ma túy là do mượn của ông Nguyễn Văn My, ông M không biết T sử dụng xe máy để đi bán ma túy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông M.

Tại bản kết luận giám định số 1463/C54 (TT2) ngày 23/3/2018 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng trong 01 (một) gói nilon (mẫu trong phong bì ghi “Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét”) gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; có khối lượng 0,092gam.

- Mẫu tinh thể màu trắng trong 03 (ba) gói nilon (mẫu trong phong bì ghi “Vật chứng thu giữ trong tay trái của Nguyễn Văn T”) gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; có tổng khối lượng 0,302 gam.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 18/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản Cáo trạng của VKSND huyện Thanh Hà và Kết luận giám định số 1463/C54 (TT2) ngày 23/3/2018 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát là đúng. Tuy đôi lúc bị cáo còn quanh co trong việc khai báo về mục đích mua ma túy, nhưng sau cùng bị cáo đã khẳng định lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại giai đoạn truy tố là hoàn toàn đúng sự thật, không bị ai ép cung.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/3/2018. Hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: Số mẫu ma túy hoàn lại sau giám định đựng trong phong bì niêm phong số 1463/C54 (TT2) của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát, 02 sim điện thoại số 0976173857 và số 0931565107, 01 bộ đồ dùng để sử dụng ma túy dạng đá (gồm 01 chai lavie được gắn bên trong chiếc cốc nhựa màu vàng, phần nắp chai lavie có gắn một chiếc ống nhựa màu cam và 01 chiếc coong bằng thủy tinh). Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo nhất trí về tội danh và điều khoản mà kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo mức 24 tháng tù giam. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự cho bị cáo theo Nghị quyết 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà đối đáp: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo bị teo cơ chân phải bẩm sinh nên sức khỏe bị ảnh hưởng. Vận dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Tòa án xác định bị cáo là người khuyết tật, có nhược điểm về thể chất nên đã chỉ định người bào chữa cũng như đưa người đại diện hợp pháp của bị cáo vào tham gia tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo xác định lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố là đúng sự thật. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/3/2018, Nguyễn Văn T đã mua 0,394 gam Methamphetamine của một người đàn ông không quen biết ở Thành phố Hải Dương mục đích để sử dụng và bán, sau đó về nhà chia thành 04 gói đựng trong túi nilon. Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 14/3/2018 tại cánh đồng địa phận khu 5, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, khi T đang cất giấu 03 gói ma túy (trong tổng số 04 gói ma túy nêu trên), khối lượng 0,302 gam Methamphetamine, mục đích để bán cho Bùi Hữu Q thì bị phát hiện bắt quả tang. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T, Công an còn thu giữ 01 gói ma túy (trong tổng số 04 gói ma túy nêu trên), khối lượng 0,092gam Methamphetamine, Thuy khai nhận cất giấu mục đích để bán và sử dụng. Như vậy, tổng khối lượng Methamphetamine T đã cất giấu trái phép để bán và sử dụng là 0,394 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67 Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh chính trị tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chất ma túy không chỉ là nguyên nhân lây truyền căn bệnh thể kỷ HIV-AIDS mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự,

mặc dù bị cáo nhận thức được tác hại của chất ma túy và việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu do đã hai lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào các năm 2008 (theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 12/9/2008 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà) và năm 2013 (theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[5] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã cơ bản thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người bị teo cơ chân phải bẩm sinh, đi lại khó khăn nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người khuyết tật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số mẫu ma túy hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo và chiếc điện thoại di động thu giữ của Q, đây là công cụ bị cáo và Q dùng vào việc trao đổi mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 02 sim điện thoại số 0976173857, số 0931565107 giá trị sử dụng thấp và 01 bộ đồ dùng để sử dụng ma túy dạng đá (gồm 01 chai lavie được gắn bên trong chiếc cốc nhựa màu vàng, phần nắp chai lavie có gắn một chiếc ống nhựa màu cam và 01 chiếc coong bằng thủy tinh) không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Anpha màu xanh, biển số 34L2-5172, T dùng làm phương tiện đi bán ma túy là do mượn của ông Nguyễn Văn M, ông M không biết T sử dụng xe máy để đi bán ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Văn T do không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Bùi Hữu Q có hành vi gọi điện hỏi mua ma túy của Nguyễn Văn T về sử dụng, do việc mua bán chưa thực hiện được nên Q không bị xử lý về hình sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo và là người khuyết tật, nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/3/2018.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: Số mẫu ma túy hoàn lại sau giám định đựng trong phong bì niêm phong số 1463/C54 (TT2) của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát; 02 sim điện thoại số 0976173857, số 0931565107 và 01 bộ đồ dùng để sử dụng ma túy dạng đá (gồm 01 chai lavie được gắn bên trong chiếc cốc nhựa màu vàng, phần nắp chai lavie có gắn một chiếc ống nhựa màu cam và 01 chiếc coong bằng thủy tinh).

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen.

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/05/2018 giữa Công an huyện Thanh Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà).*

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Thụy.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**W Vũ Thị Nhung**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thị Nhung**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Trại tại giam Kim Chi;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Vũ Thị Nhung**

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo đề nghị **trả hồ sơ để điều tra bổ sung** do việc điều tra vi phạm nghiêm trọng tố tụng vì bị cáo là người khuyết tật và là đối tượng thuộc hộ cận nghèo nhưng cơ quan điều tra lại không chỉ định người bào cho bị cáo cũng như không mời người đại diện hợp pháp của bị cáo tham gia tố tụng. HĐXX xét thấy: Việc bị cáo bị khuyết tật ở chân (teo cơ chân bẩm sinh) chỉ khiến bị cáo đi lại khó khăn, chứ không làm ảnh hưởng tới khả năng nhận thức, làm chủ hành vi hành vi của bị cáo, không ảnh hưởng tới khả năng tự bào chữa của bị cáo; và việc này cũng được bị cáo khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố. Do vậy bị cáo không thuộc trường hợp bắt buộc phải chỉ định người bào chữa theo Điều 76 BLTTHS và cũng không thuộc trường hợp phải có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị của người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, dưới góc nhìn nhân đạo đối với người khuyết tật, để đảm bảo quyền lợi tối đa cho bị cáo, tại giai đoạn xét xử, Tòa án vẫn mời người đại diện hợp pháp của bị cáo, đồng thời chỉ định trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo theo Luật trợ giúp pháp lý.

\* Ngoài ra, tại phiên tòa người bào chữa của bị cáo còn đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ **người phạm tội là người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS**. Tuy nhiên theo tài liệu có trong hồ sơ, chưa có căn cứ xác định mức độ khuyết tật của bị cáo thuộc loại nào, do vậy HĐXX chỉ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng nghĩa với việc không chấp nhận đề nghị nêu trên của người bào chữa.